

# HẬU DÂN TỘC HỌC HAY LÀ "SỰ TRỞ VỀ" CỦA DÂN TỘC HỌC

(Những thảo luận xung quanh vấn đề đối tượng và phương pháp nghiên cứu)

NGUYỄN VĂN CHÍNH

## I. GIỚI THIỆU

Trong thời đại phát triển mạnh mẽ của khoa học và thông tin trên thế giới ngày nay, dân tộc học với tư cách là một môn khoa học nghiên cứu về con người, cũng đang trải qua những thay đổi đầy ý nghĩa, đến mức gần đây, trong giới nghiên cứu nhân văn - xã hội Châu Âu, người ta đã bàn đến một "post ethnography" (hậu dân tộc học" để chỉ giai đoạn phát triển gần đây của môn khoa học này. Những biến đổi có tính bước ngoặt của dân tộc học thế giới có thể bắt đầu từ sau chiến tranh thế giới thứ hai nhưng đặc biệt nở rộ vào khoảng những năm đầu thập kỷ 60, chủ yếu được thể hiện ở đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của nó.

Trong bối cảnh ấy, nhìn lại hơn 20 năm phát triển của dân tộc học Việt Nam, chúng ta cảm thấy hình như nó vẫn còn đang im ắng trong khi các nhà dân tộc học của chúng ta đang trăn trở "...tìm chỗ đứng, xác định góc nhìn của mình sao cho khác với các nhà kinh tế học, xã hội học, v.v...(Tạ Long, 1994: tr. 46).

Như vậy, lý do cơ bản của hiện tượng "ngủ vùi" này có lẽ bắt nguồn từ việc dân tộc học của ta vẫn còn đang lúng túng trong việc xác định đối tượng nghiên cứu và đặc biệt, phương pháp nghiên cứu của mình. Điều này có thể được xác nhận

bởi 1 sự thật là trong suốt 20 năm của Tạp chí Dân tộc học, với 1078 bài viết được công bố, chúng ta không thấy có những công trình nghiên cứu có hệ thống nào về phương pháp nghiên cứu dân tộc học (xem, *Tổng mục lục 20 năm T.C Dân tộc học (1974 - 1994)*, H. 1994). Trong khi đó ở một số luận án trên đại học về dân tộc học, người ta thấy các tác giả của chúng lại thường liệt kê ra ở phần dẫn luận hàng loạt các phương pháp từ duy vật biện chứng và duy vật lịch sử đến phân tích thống kê, nghiên cứu định lượng, điều tra xã hội học, hệ thống cấu trúc, v.v...Chỉ có điều người đọc hiếm khi được thấy những phương pháp này được thực hiện như thế nào trong quá trình nghiên cứu, thu thập, phân tích tài liệu và thể hiện trong sự trình bày của luận án. Ở một số công trình nghiên cứu khác, các tác giả của chúng lại chỉ ra dứt khoát rằng vấn đề nghiên cứu của mình là 1 "*đề tài dân tộc học*" với hàm ý rằng vấn đề đang nghiên cứu không phải là mối quan tâm của chuyên ngành khoa học khác(!)

Những lúng túng và không rõ ràng nói trên, một mặt phản ánh sự trì trệ trong nghiên cứu lý luận và phát triển các phương pháp nghiên cứu của dân tộc học Việt Nam, nhưng mặt khác, cũng cho thấy những hạn chế của giới nghiên cứu chúng

ta trong việc tiếp cận với thông tin lý luận về dân tộc học trên thế giới.

Xuất phát từ suy nghĩ như vậy, bài viết nhỏ này thay vì đưa ra những ý kiến cá nhân về phương pháp nghiên cứu dân tộc học - một vấn đề phức tạp và đòi hỏi chiều sâu kinh nghiệm của nhà nghiên cứu, sẽ điếm lại những khuynh hướng phát triển và biến đổi của nghiên cứu dân tộc học Âu - Mỹ gần đây trên các phương diện đối tượng và phương pháp tiếp cận. Bằng cách làm như vậy, tác giả hy vọng rằng nó có thể sẽ mang lại những thông tin có ích giúp các nhà dân tộc học Việt Nam trong việc : "tìm chỗ đứng" và "xác định góc nhìn" của mình.

Từ nghiên cứu những bộ lạc, "dã man" đến tiếp cận đời sống của đô thị hiện đại: sự đổi ngôi trong dân tộc học thế giới.

1. Truyền thống lâu đời của dân tộc học (ethnography) hay như vẫn thường được biết theo 1 nghĩa rộng mà chuẩn hơn, của nhân học xã hội (social anthropology) bắt nguồn từ Châu Âu thực dân già cỗi. Và đối với các nhà dân tộc học, vấn đề chủ yếu của họ là nghiên cứu thực địa ở nền văn hoá khác, thường là ở nước khác. Công việc nghiên cứu của nhà dân tộc học được mô tả như sau:

Điền dã là nhiệm vụ trọng tâm trong nghiên cứu dân tộc học. Tài liệu căn bản của dân tộc học không phải có được từ trong các phòng thí nghiệm mà là từ các nền văn hoá sống động. Nhà dân tộc học đi vào sống trong một nền văn hoá khác. Anh ta ở lại trong môi trường xa lạ và nếu thành công, vị trí của anh ta dần dần thay đổi từ chỗ là một người xa lạ đến chỗ là một người bạn. Một cách lý tưởng, anh ta nói hoặc sẽ học nói ngôn ngữ địa phương nhưng dĩ nhiên, anh ta sẽ dựa vào một số người nhất định, thường là các nhà giáo, người phiên dịch hay những người cấp tin. Tới một chừng mực nào đó, nhà

dân tộc học sống giống như những người chủ của mình và hoà vào trong họ. Điều này cũng có những khoảng cách, tùy theo văn hoá và nhân cách của nhà nghiên cứu và bản thân mỗi hoàn cảnh. Trong bất kỳ điều kiện nào, nhà dân tộc học phải tham gia vào tất cả các hoạt động mà mình có thể và được phép. Anh ta quan sát bất kỳ cái gì có thể, hàng chuỗi liên tục các sự kiện, trong mờ bóng bong các quan hệ phức tạp quanh mình. Anh ta đo vẽ, phỏng vấn, ghi chép, chụp ảnh, buồn vui và say xỉn trong những cơn cuồng nộ. Đôi khi anh ta bị ốm vì phải phơi mình ra trong điều kiện vệ sinh không đảm bảo (Fried, 1986, tr:136).

Đoạn trích trên đây đã vẽ ra một cách tiêu biểu chân dung của nhà dân tộc học và việc nghiên cứu của họ. Nó chỉ ra một cách rõ ràng rằng trong bối cảnh nghiên cứu nơi điền dã như vậy, nhà dân tộc học đã hoá thân vào trong đời sống của những người mà mình nghiên cứu và rồi viết ra những miêu tả về văn hoá "của họ". Tuy nhiên, nghiên cứu điền dã dân tộc học, như đã mô tả trên đây, chủ yếu được phát triển vào những năm 20 của thế kỷ 20, dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của các công trình nghiên cứu của nhà dân tộc học nổi tiếng Malinowski. Trước đó, đa số các nhà dân tộc học dựa vào tài liệu của các nhà thám hiểm, nhà buôn, nhà truyền giáo và các viên chức chính phủ để nghiên cứu các dân tộc. Tuy nhiên, mỗi nhóm người này có những mối quan tâm riêng. Báo cáo của họ về các tộc người mà họ đã đến làm việc thường bị nhìn méo mó đi và do đó, dẫn đến những thiên lệch trong các công trình nghiên cứu dân tộc học.

Vào đầu thế kỷ 20, các nhà dân tộc học đã bắt đầu những chuyến đi điền dã, nhưng họ vẫn thường tiến hành công việc của mình từ một khoảng cách nhất định giữa họ với người được nghiên cứu.

Chẳng hạn, vào năm 1910, Radcliffe - Brown đã tiến hành nghiên cứu những người thổ dân Australia. Tuy nhiên, sau khi bị cảnh sát địa phương ngăn chặn, ông đã quay sang nghiên cứu những người thổ dân ở trong các bệnh viện, nơi họ bị giữ lại để chữa bệnh. Brown đã xem họ là những người dân cấp tin cho mình, và đã tìm hiểu chế độ hôn nhân của người thổ dân châu Úc. Rồi từ đây, Brown mở rộng nghiên cứu ra các cộng đồng thổ dân trú cư xung quanh các trạm truyền giáo. Cách nghiên cứu này của Brown đã dẫn ông đến một vài hiểu lầm về lối sống của những người thổ dân và do đó đi đến kết luận lầm lẫn (Kuper, 1973). Cách tiếp cận thực tế như Brown và một số nhà dân tộc học thực dân khác đã làm được coi là "tiếp cận từ những mái nhà của các nhà truyền giáo và viên chức nhà nước". Tuy nhiên, trong điều kiện như vậy, nhà dân tộc học thường nhìn những người cấp tin cho mình bằng con mắt khinh bỉ và xem họ chỉ là những người "dã man" nguyên thủy, ngây ngô, hoang sơ và thấp hèn. Và vì thế các nhà nghiên cứu thường gọi từng người đến mái nhà và đối xử với họ như là những mẫu vật để đo vẽ, chụp ảnh và phỏng vấn hàng giờ về ngôn ngữ và tập quán của họ. Kết quả là phần lớn đời sống hàng ngày của cư dân đã bị bỏ qua và rất ít khi được quan sát trực tiếp<sup>(1)</sup>. Các nhà dân tộc học Châu Âu sau này đã gọi lối nghiên cứu như thế là "model mái nhà" (veranda model) (Wax and Cassell, 1979). Họ cho rằng các nhà dân tộc học cần phải từ bỏ những bộ ghế êm ấm dưới hiên nhà, nơi nhà dân tộc học vẫn thường tập hợp các thông tin, ghi chép lại các câu chuyện và các tài liệu từ những người "hoang dã"

để đi vào trong làng bản của người dân xem người ta sống và làm việc thế nào. Việc thu thập tài liệu phải được dựa trên cơ sở của những quan sát trực tiếp chứ không phải từ những tài liệu thứ cấp chất lọc ra thông qua những người cấp tin không chắc chắn. Hàng loạt các công trình nghiên cứu dân tộc học của Malinowski (1922, 1935, 1948) đã trở nên nổi tiếng nhờ cách tiếp cận trực tiếp này khi ông đi vào đời sống của người dân ở New Guinea. Theo Malinowski, trong khi tiến hành nghiên cứu thực địa, nhà dân tộc học phải cố gắng hiểu thấu được quan điểm tự nhiên của người bản địa, quan hệ của anh ta với cuộc sống, và nhận ra cách nhìn của anh ta về thế giới của anh ta (Malinowski được thừa nhận là nhà dân tộc học đầu tiên sử dụng kỹ thuật quan sát tham gia (participatory observation) phổ biến trong dân tộc học ngày nay. Đối lập với model mái nhà, phương pháp nghiên cứu của Malinowski được các nhà dân tộc học sau này gọi là model "bổn phận cao thượng" (noblesse oblige model, Wax and Cassell, 1979). Phương pháp điền dã của Malinowski đã được phát triển lên và được các nhà dân tộc học, xã hội học vận dụng vào nghiên cứu xã hội hiện đại.

2. Vào khoảng những năm 60 của thế kỷ này, chúng ta thấy xuất hiện nhiều công trình nghiên cứu của các nhà dân tộc học về các xã hội đô thị và nông thôn ở chính địa bàn quen thuộc của mình. Trong các tài liệu nước ngoài, người ta gọi hiện tượng này là "sự trở về" (come home) của dân tộc học. Điều này có nghĩa là các nhà nhân học xã hội giờ đây, bên cạnh việc nghiên cứu các văn hoá khác, đã bắt đầu nghiên cứu điền dã ở ngay trong xã hội của mình. Có nhiều lý do giải thích cho sự thay đổi này:

(1). Tác phẩm nổi tiếng của nhà dân tộc học người Pháp J. Quisenier về người Mường Hoà Bình cũng được tiếp cận bằng phương pháp này (Xem J. Quisenier: Les Mường, Paris, 1944)

1. Việc tài trợ cho các chương trình nghiên cứu ở hải ngoại đi nhanh chóng do chi phí tốn kém.

2. Các nước mới giành được độc lập và các thuộc địa cũ giờ đây không muốn các nhà dân tộc học tiến hành nghiên cứu điền dã trong dân chúng của mình và đã thực thi một chiến thuật ngăn chặn, khiến cho các nhà dân tộc học không còn tự do nghiên cứu được nữa.

3. Các nhà dân tộc học Âu - Mỹ giờ đây nhân ra rằng họ không còn độc quyền trong lĩnh vực này nữa. Đã có nhiều nhà dân tộc học bản xứ quan tâm nghiên cứu về nhân dân mình.

4. Chuyên môn hoá trong nghiên cứu dân tộc học tăng lên cùng với sự hình thành các lĩnh vực nghiên cứu về đô thị, y tế, giáo dục, phụ nữ, luật pháp, vv,... Và điều này cũng có nghĩa là địa bàn nghiên cứu cũng thay đổi từ những nơi xa xôi hải ngoại về ngay sân nhà.

Tuy nhiên, sự thay đổi về bản chất của dân tộc học chỉ là một vấn đề. Các nhà nhân học giờ đây nghiên cứu trên sân nhà đã phải lưu tâm để vận dụng những kỹ thuật trọng yếu nhất của dân tộc học vào nghiên cứu những vấn đề của xã hội hiện đại, đặc biệt là làm thế nào để phương pháp "quan sát tham gia" có thể thích hợp với việc nghiên cứu đời sống ở khu vực đô thị. Quy mô và tính đa dạng của đời sống đô thị cho thấy rằng chỉ có thể nghiên cứu con người một cách hời hợt theo diện rộng hoặc nghiên cứu sâu một nhóm nhỏ những người cấp tin, và do đó nhà nghiên cứu phải lựa chọn nghiên cứu qui mô nhỏ hay một vấn đề hoặc toàn bộ các vấn đề của một thành phố. Các nhà dân tộc học đã xác định ba cách tiếp cận sau đây:

1. Nghiên cứu dân tộc học ở tầm vĩ mô về các nhóm cư dân. Chẳng hạn, các công trình nghiên cứu về người da

màu ở phố nghèo, về những người nghiện ma tuý hay các cô gái tiếp viên trong các quán bia

2. Nghiên cứu dân tộc học về các hệ thống có mối liên hệ lẫn nhau ở đô thị, chẳng hạn vấn đề dòng họ.

3. Nghiên cứu dân tộc học ở tầm vĩ mô về toàn bộ thành phố trên cơ sở của các tài liệu điều tra, tài liệu lịch sử và chứng cứ dân tộc học.

Như vậy, phương thức nghiên cứu thực địa của dân tộc học truyền thống không phải là biến mất mà nó đã được vận dụng vào hoàn cảnh mới. Một số đặc trưng cơ bản của phương pháp truyền thống vẫn được giữ lại như: nhà nghiên cứu sống ở trong môi trường mà mình nghiên cứu, sử dụng phương pháp quan sát tham gia, phỏng vấn mở và sử dụng người cấp tin chủ chốt (key informants). Tuy nhiên, để đáp ứng với yêu cầu nghiên cứu trong khung cảnh mới, nhà dân tộc học cũng vay mượn một số khái niệm, phương pháp của bộ môn khoa học khác, chủ yếu là từ xã hội học, vào quá trình nghiên cứu xã hội của mình. Và dần dần, cái ranh giới giữa nhà dân tộc học và các nhà nghiên cứu xã hội khác đang trở nên mỏng manh hơn.

3. Các nhà dân tộc học cổ điển đã nghiên cứu các dân tộc bản địa trong các xã hội mà họ sống. Chẳng hạn ở những người thổ dân châu Úc, châu Phi hay người Anh diêng châu Mỹ. Và sau đó, cùng với "sự trở về" của dân tộc học, các nhà khoa học lại tiến hành công việc tương tự như vậy, ở những dân tộc "bản địa" ở chính trong xã hội của mình. Chẳng hạn, các nhà dân tộc học Anh đã tiến hành nghiên cứu những người không cùng tầng lớp xã hội khác đang được nghiên cứu, nhà dân tộc học cũng chỉ là những "người ngoài" theo đúng nghĩa của nó.

Từ sau chiến tranh thế giới thứ 2, trường phái xã hội học Chicago trở nên nổi tiếng ở Mỹ nhờ đã sử dụng phương pháp quan sát nghiên cứu các nhóm xã hội khác nhau ở thành phố Chicago, gồm những người lang thang vô gia cư, những băng đảng của đường phố, các nhóm tội phạm, các cô gái nhảy đến từ nông thôn, vv... Các nhà nghiên cứu này được gọi là "những nhà dân tộc học Chicago" (Hannerz, 1980). Quan sát dân tộc học đã từng được sử dụng để nghiên cứu những người thổ dân, giờ đây trở thành phương pháp quan trọng nhất được sử dụng vào nghiên cứu cư dân của thành phố Chicago khổng lồ. Và do đó, trong một chừng mực nhất định, người ta thấy đã có sự trao đổi lẫn nhau giữa dân tộc học và xã hội học ở phương diện phương pháp và viễn cảnh nghiên cứu. Chẳng hạn trong tiếp cận đối tượng nghiên cứu, các nhà xã hội học thường sử dụng khái niệm nghiên cứu cộng đồng (community studies) hoặc nghiên cứu theo địa bàn (locality studies). Hàng loạt các nghiên cứu về xã hội đô thị sau này ở Anh - Mỹ đã sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học như quan sát, sử dụng người cấp tin, phỏng vấn mở (unstructured interviews) kết hợp với các tài liệu thống kê, văn kiện và tài liệu điều tra xã hội (social survey). Người ta đã phát hiện ra rằng các nhà dân tộc học Mỹ quan tâm nhiều đến các vấn đề tệ nạn xã hội như người nghiện hút, người chơi cá cược và người đồng tính luyến ái vv... đã sử dụng phổ biến các phương pháp quan sát. Phương pháp nghiên cứu quan sát dân tộc học cũng được các nhà xã hội học sử dụng rộng rãi vào trong các lĩnh vực nghiên cứu quan trọng khác như xã hội học về lao động và công nghiệp, xã hội học về y tế và bệnh tật, xã hội học về giáo dục.

Nếu như trước đây, các nhà xã hội học là người đứng ngoài cuộc để nghiên cứu thì giờ đây, giống như nhà dân tộc học, họ đã bắt đầu nhập cuộc để hiểu được toàn diện hơn những tài liệu do phương pháp điều tra mang lại. Chẳng hạn, nhà xã hội học nghiên cứu về công nhân nhà máy, anh ta không chỉ quan sát các tình huống xảy ra trong nhà máy mà cần phải học để biết làm việc như một công nhân để từ đó hiểu được chính xác hơn về những người công nhân trong nhà máy.

Tuy nhiên, điều được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm thảo luận là nhà dân tộc học nghiên cứu ở trong xã hội mà cũng là môi trường quen thuộc của mình có ảnh hưởng thế nào đến kết quả nghiên cứu<sup>(2)</sup>. Sự thảo luận thường xoay quanh 3 vấn đề cơ bản: sự thuận lợi, vốn hiểu biết về văn hoá bản địa và phương pháp.

Có khuynh hướng cho rằng vấn đề chính của nhà nghiên cứu trong xã hội riêng của mình là sự nhận diện các khuôn mẫu văn hoá trong những tình huống quen thuộc, và giải thích ý nghĩa gắn với các sự kiện và các vấn đề trên cơ sở của sự nhập vai, sự quan sát và các mối quan hệ của mình trên thực địa. Dẫu vậy, nhà nghiên cứu điền dã trong môi trường quen thuộc của mình thường dễ thiên vị, đơn giản hoá, định kiến và khó tách biệt giữa quan sát và tình cảm. Mặt khác tính khách quan hoàn toàn là không thể có được vì một nhà nghiên cứu điền dã trong môi trường xa lạ, nhưng rồi anh ta cũng sẽ trở nên quen thuộc với xung quanh. Dù sao, nhà dân tộc học là người lạ có "giá trị riêng" của mình. Anh ta có thể đứng lùi lại và triu tượng hoá tài liệu quan sát được từ thực tế nghiên cứu. Mặc dầu vậy, nhà dân

(2). Chẳng hạn, có gì khác nhau giữa một nhà dân tộc học là người Mường nghiên cứu về dân tộc Mường của mình và một nhà dân tộc học là người Việt nghiên cứu về người Mường.

tộc học đôi khi cũng là người lạ ngay trong xã hội riêng của mình khi anh ta nghiên cứu các nhóm dân cư khác, chẳng hạn, những người nghiện hút, gái điếm, trộm cướp, vv... Vì vậy, giải quyết vấn đề "quen thuộc" và "xa lạ" là trọng tâm trong nghiên cứu thực địa của dân tộc học hiện đại.

Điền dã dân tộc học với tư cách là một phương pháp nghiên cứu xã hội.

### 1. Các khái niệm

Như đã chỉ ra ở phần trước, trong giới nghiên cứu Âu - Mỹ, những nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp, phỏng vấn sâu, dựa trên cơ sở của quan hệ giữa nhà nghiên cứu và người được nghiên cứu nhằm thu thập tài liệu và đạt đến sự phân tích định tính thường cũng được gọi là phương pháp dân tộc học (ethnography). Tuy nhiên, khi nói đến điền dã dân tộc học như là một phương pháp tiếp cận thế giới xã hội của con người, chúng ta thấy có những thuật ngữ khác nhau. Những thuật ngữ này có thể bao gồm:

- Field work (điền dã)
- Ethnography (miêu thuật dân tộc học)
- Case study (nghiên cứu điển)
- Qualitative research (nghiên cứu định tính)
- Interpretative procedures (phương pháp dẫn giải)
- Fieldresearch (nghiên cứu thực địa)

Tuỳ theo sự nhấn mạnh của nhà nghiên cứu khác nhau mà những thuật ngữ này được hiểu ở những cấp độ khác nhau. Chẳng hạn, đối với nhà dân tộc học thuật ngữ fieldwork là đồng nghĩa với việc tập hợp tài liệu bằng phương pháp quan sát trực tiếp. Trong khi đó đối với nhà xã hội học, fieldwork cũng được dùng để chỉ

cách tập hợp tài liệu bằng phương pháp điều tra xã hội (social survey).

Ethnography được định nghĩa là những tài liệu về nhân học văn hoá có được từ những quan sát trực tiếp tập quán của một xã hội nhất định (Conklin, 1968). Nhà dân tộc học có nhiệm vụ tiến hành quan sát, ghi chép, và đánh giá những quan sát này và giải thích nó gắn liền với nhân học về văn hoá và xã hội. Tuy nhiên, cũng có ý kiến không đồng ý với việc sử dụng thuật ngữ ethnography để chỉ một phương pháp tiếp cận vì nó có thể gây ra những hiểu lầm do sự đánh đồng với các kỹ thuật nghiên cứu. Wolcott cho rằng chính cái viễn cảnh văn hoá chứ không phải kỹ thuật nghiên cứu mới là điều cơ bản phân biệt dân tộc học với các công việc khác (Wott, 1975). Mặt khác cũng có ý kiến gắn các nhà dân tộc học với xâm lược vì người ta nhận thấy có mối liên hệ giữa chủ đề nghiên cứu của dân tộc học với chủ nghĩa thực dân. Hơn nữa, theo truyền thống, các nhà dân tộc học thường tiến hành nghiên cứu của mình trong một môi trường xã hội - văn hoá xa lạ, vì thế thuật ngữ ethnography là không phù hợp với các nghiên cứu trong phòng, dựa trên tài liệu chất lọc từ các quan sát, bằng ghi âm và các tư liệu viết. Có nhà nghiên cứu đề nghị gọi cách tiếp cận như thế là case - study (Stenhouse, 1982).

Thuật ngữ qualitative research được dùng để chỉ một loạt các phương pháp nghiên cứu như quan sát tham gia, phỏng vấn sâu, phỏng vấn mở và phỏng vấn có cấu trúc. Trọng tâm của cách tiếp cận này là nhằm đạt đến sự hiểu biết về cuộc sống xã hội ngay từ nguồn tài liệu nguyên sinh. Nó cho phép nhà nghiên cứu tiếp cận sát hơn với tài liệu và tạo điều kiện cho họ hiểu thấu khái niệm do tài liệu thu thập được mang lại. Tuy nhiên, nghiên cứu định tính có những điểm yếu

cần được bỏ khuyét. Halfpenny (1979) đã chỉ ra rằng có sự phân cực giữa nghiên cứu định tính và định lượng. Nghiên cứu định tính (auslitative study) theo ông, là dễ dãi (soft), chủ quan (subjective) và có tính suy đoán (speculative) trong khi nghiên cứu định lượng lại được mô tả như là cứng nhắc (hard) khách quan (objective) và khắt khe (rigorous). Thực ra, trên thực tế, hai cách tiếp cận này đã thường bổ xung cho nhau và rất phổ biến trong thực tế của các công trình nghiên cứu gần đây.

Phương pháp interpretative procedures được xây dựng trên cơ sở của lý thuyết tương tác (interctionism) rất phổ biến trong các công trình nghiên cứu xã hội học. Xuất phát điểm của lý thuyết tương tác này làm chỗ dựa cho phương pháp diễn giải là ở chỗ nó cho rằng người ta có thể hiểu được hành động của "người trong cuộc" trên cơ sở kinh nghiệm hoạt động trong xã hội của họ và các phương cách trong hành động của họ nảy sinh và được phản ánh lại thông qua kinh nghiệm. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu xã hội đã sử dụng phương pháp quan sát tham gia (participant observation), phỏng vấn sâu hoặc phỏng vấn có cấu trúc và khai thác tài liệu vật chất trong quá trình nghiên cứu của mình nhằm hiểu thấu ý nghĩa của các tình huống xã hội. Phương pháp này chủ yếu tập trung vào các phương cách trong đó những con người khác nhau trải nghiệm, giải thích và cấu tạo nên đời sống của họ, để từ đó tái tạo và giải thích các tình huống xã hội của người trong cuộc, chứ không phải của người quan sát từ bên ngoài. Phương pháp này gây được ảnh hưởng đáng kể trong giới nghiên cứu xã hội thế giới. Tuy nhiên, tập trung vào các mối quan hệ tương tác, phương pháp tiếp cận này cũng bỏ qua các lý thuyết khác đã từng được sử dụng để dẫn dắt nghiên cứu

thực địa, chẳng hạn như phương pháp dân tộc học cổ điển của Malinowski (1929) sử dụng lý thuyết chức năng cấu trúc (structural funtionism) hoặc gần đây, người ta đã phát triển phương pháp tập hợp và phân tích tài liệu điền dã dựa trên lý thuyết Marxist (Sharp, 1981).

Như vậy những khái niệm có tính phương pháp nêu ra ở trên là rất rộng. Để tìm kiếm một khái niệm có thể bao quát những lĩnh vực nghiên cứu xã hội đang giúp cho nhà nghiên cứu một công cụ tiếp cận thực tiễn xã hội, thuật ngữ chung được đề nghị là field research (Burgess, 1984). Điểm cơ bản của field research là việc phát triển mối quan hệ giữa nhà nghiên cứu và người được nghiên cứu. Và nhiệm vụ của nhà nghiên cứu sẽ là nhập vai của mình, giải quyết các mối quan hệ và gia nhập vào trong đời sống sinh động và đầy kịch tính của cuộc sống thường ngày. Như vậy, nghiên cứu điền dã không chỉ đơn giản là hàng loạt các thao tác kỹ thuật đồng nhất mà còn phụ thuộc vào quan hệ tương tác, phức hợp giữa vấn đề nghiên cứu, nhà nghiên cứu và những người được nghiên cứu (Burgess, 1984: tr. 6) để từ đó đi đến quyết định sử dụng công cụ nghiên cứu phù hợp nhất.

Mặc dù mỗi một phương pháp tiếp cận thường dựa trên một lý thuyết nhất định, sự phổ biến trong các kỹ thuật điền dã dân tộc học hiện đại thường tập trung vào 3 phương pháp thu thập tài liệu quan trọng: 1. quan sát tham gia; 2. phỏng vấn mở và 3. nghiên cứu nguồn tài liệu cá nhân.

## 2. Phương pháp quan sát tham gia (participant observation)

Cơ sở của phương pháp này xuất hiện từ quan niệm rằng thế giới xã hội không phải là một cái gì đó khách quan như thế giới tự nhiên. Thế giới xã hội

thường gắn với những ý nghĩa và kinh nghiệm mang tính chủ quan, tạo ra bởi những con người tham gia vào các tình huống xã hội ấy. Vì thế, nhiệm vụ của nhà nghiên cứu xã hội sống cuộc sống hàng ngày của họ. Và nhiệm vụ này chỉ có thể thực hiện bằng cách gia nhập vào đời sống của các cá nhân có liên quan.

Các nhà khoa học xã hội có rất nhiều phương pháp tiếp cận để nghiên cứu thế giới xã hội như các phương pháp thực nghiệm (experimental methods) phương pháp thống kê (statistical measures) và phương pháp điều tra (survey research)...Tuy nhiên, không có phương pháp nào trong số này lại có thể thấu hiểu đầy đủ các yếu tố có tính chủ quan của đời sống xã hội. Do vậy, các nhà nghiên cứu đã chuyển sang quan sát và quan sát tham gia để hiểu sát hơn ý nghĩa của các tình thế xã hội. Bằng cách làm như vậy, các nhà nghiên cứu sẽ nắm bắt được ngay từ đầu tình thế như nó vốn có. Nhiệm vụ của nhà quan sát tham gia được mô tả như sau:

Nhà quan sát tham gia tập hợp tài liệu bằng cách tham gia vào đời sống hàng ngày của một nhóm hoặc một tổ chức mà anh ta nghiên cứu. Anh ta quan sát những người mà anh ta đang nghiên cứu để xem người ta thường gặp những tình huống gì và họ ứng xử thế nào trong các tình huống ấy. Anh ta nói chuyện với một số hoặc tất cả những người tham gia vào các tình thế ấy và khám phá ra những giải thích của họ về các sự kiện mà mình đã quan sát (Becker, 1958, tr:652).

Như vậy, trong nghiên cứu điền dã sử dụng phương pháp quan sát tham gia, chính nhà nghiên cứu là một công cụ trong điều tra xã hội. Nó cho phép tập hợp tài liệu về sự tác động xã hội qua lại, về các tình thế nảy sinh tự nhiên chứ không phải là tình thế nhân tạo (như trong

nghiên cứu điều tra). Giá trị căn bản của phương pháp quan sát tham gia là nhà nghiên cứu có cơ hội để tập hợp tài liệu chi tiết và phong phú trên cơ sở của sự quan sát trong khung cảnh tự nhiên. Hơn nữa, nhà nghiên cứu cũng nắm bắt được cách giải thích tình thế bằng ngôn ngữ riêng của người tham gia để hiểu được những khái niệm được dùng trong cuộc sống hàng ngày. Từ đây, nhà nghiên cứu có thể xây dựng một cách giải thích về tình thế xã hội trên cơ sở của nhiều cách giải thích khác nhau mà mình đã thu thập được từ những người cấp tin. Tuy nhiên, do tham gia trực tiếp vào cuộc sống hàng ngày của người được nghiên cứu, nhà nghiên cứu trở thành một bộ phận của khung cảnh mà anh ta quan sát và do đó, anh ta dễ làm thay đổi hay tác động đến khung cảnh nghiên cứu cũng như bị ảnh hưởng bởi chính khung cảnh ấy. Chính vì thế, việc xác định vai trò của người quan sát tham gia trong khung cảnh nghiên cứu có một ý nghĩa quan trọng trong thực hành nghiên cứu. Để giải quyết vấn đề quan hệ giữa nhà nghiên cứu và môi trường xã hội nghiên cứu, các nhà phương pháp luận đã phân biệt 4 cấp độ khác nhau của vai trò của nhà nghiên cứu quan sát tham gia. Đó là:

- 1- Tham gia hoàn toàn
- 2- Tham gia với tư cách một người quan sát
- 3- Quan sát với tư cách một người tham gia
- 4- Quan sát hoàn toàn

Trong 4 vai trò này, các nhà nghiên cứu thực địa thường nhập vai tham gia hoàn toàn hoặc tham gia như một người quan sát.

Tham gia hoàn toàn có nghĩa là nhà nghiên cứu nhập vai vào trong nhóm hay tổ chức mà mình nghiên cứu và không để lộ ra vai trò nhà nghiên cứu của mình.

Anh ta nhập cuộc, làm việc, ứng xử như những người thành viên bình thường khác và thâm lắng quan sát, ghi chép và phân tích tài liệu thu thập được.

Tham gia với tư cách một người quan sát là nhà nghiên cứu nhập vào tình thế mà mình quan sát bằng cách phát triển mối quan hệ với người cấp tin. Trong trường hợp này, nhà nghiên cứu không giấu mình đi mà ngược lại, anh ta xuất hiện với tư cách một người nghiên cứu và không bị ràng buộc bởi vai trò mình đang tham gia, vì thế anh ta có thể tự do đi vào các vấn đề mà mình quan tâm.

Quan sát với tư cách tham gia là tình thế mà nhà nghiên cứu tiếp xúc với người cấp tin trong thời gian ngắn, có tính ước lệ, và quan sát là chính. Trong trường hợp này vai trò của người quan sát là rõ ràng và anh ta ít có cơ hội để nhập cuộc với "người bản địa". Những tiếp xúc ngắn ngủi giữa nhà nghiên cứu với người được nghiên cứu thường làm cho việc hiểu được ý nghĩa của tình thế xã hội khó khăn hơn.

Quan sát oàn toàn thường đồng nghĩa với "nghe hơi" và phán đoán, trong đó nhà nghiên cứu bị tách ra khỏi quan hệ qua lại với người cấp tin. Trong tình thế như vậy, nhà nghiên cứu không hoà nhập được với người trong cuộc và dễ sa vào thuyết ethnocentrism (vị chủng) và anh ta có thể bỏ qua quan điểm của người cấp tin mà mình chưa hề được biết.

Trong quá trình hoà nhập vào xã hội người được nghiên cứu để quan sát, nhà nghiên cứu thường phải trải qua những giai đoạn khác nhau, với những vai trò khác nhau. Vai trò này có thể thay đổi chỗ là người mới đến, tạm thời được chấp nhận, chấp nhận có điều kiện và cuối cùng trở thành "người nhà". Tuy nhiên, phải lưu ý rằng những đặc điểm của bản

thân nhà nghiên cứu như sự từng trải, tuổi tác, giới tính và sắc tộc có ảnh hưởng rõ nét đến vai trò nghiên cứu và các quan hệ nghiên cứu nơi điền dã.

Kinh nghiệm từng trải của nhà dân tộc học có ý nghĩa quan trọng trong quá trình xây dựng tư liệu. Đôi khi chỉ bằng cái nhìn qua, nhà dân tộc học đã có thể nhận diện được nhiều "vấn đề dân tộc học" trong khi những người ít kinh nghiệm có thể bỏ qua.

Tuổi tác của nhà nghiên cứu trong một số trường hợp cũng có ảnh hưởng. Chẳng hạn, nhà nghiên cứu trẻ tuổi sẽ khó khăn hơn khi nhập cuộc để nghiên cứu thế giới xã hội của người già và ngược lại.

Giới tính của nhà nghiên cứu lại là một trở ngại khác cần phải tính đến trong quá trình tham gia vào đối tượng nghiên cứu. Chẳng hạn, một phụ nữ trẻ chưa chồng khi nghiên cứu những khu vực có nhiều đàn ông làm việc hoặc một người đàn ông nghiên cứu những vấn đề tế nhị của phụ nữ, thì cũng có nghĩa là chị (anh) ta khó mà hội nhập được vào tình thế ấy. Và do đó, việc lựa chọn đề tài phải tính đến ảnh hưởng của việc thu thập tài liệu của người quan sát tham gia trở thành vấn đề quan trọng trong nghiên cứu phải lưu ý.

Một nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát tham gia thành công phải dựa trên sự phát triển mối quan hệ giữa người nghiên cứu và người được nghiên cứu. Về nguyên tắc, người nghiên cứu quan sát đời sống hàng ngày của người được nghiên cứu và tập hợp các báo cáo từ người cấp tin. Tuy nhiên, để hiểu được một cách chính xác tài liệu thu nhập, người nghiên cứu phải thường xuyên hỏi về tình thế mà mình quan sát được và thảo luận về nó với người cấp tin.

Cái gì tạo thành tài liệu từ phương pháp quan sát tham gia? Các nhà lý luận thường chia quan sát thành 3 loại:

- 1- Những quan sát mô tả
- 2- Những quan sát có trọng điểm
- 3- Những quan sát có lựa chọn.

Trong đó, quan sát mô tả có vai trò như là cơ sở cho các quan sát sâu hơn. Người ta xác định 9 vấn đề phổ biến của một tình thế xã hội để tập hợp tài liệu trong quan sát miêu tả, bao gồm:

- 1- Không gian
- 2- Những người tham gia vào trong tình thế
- 3- Các hoạt động
- 4- Các hiện vật
- 5- Các hành động
- 6- Các sự kiện
- 7- Thời gian
- 8- Các mục đích
- 9 - Các tình cảm.

Tóm lại, quan sát tham gia được coi như là một phương pháp căn bản nhất trong nghiên cứu dân tộc học hiện đại. Nó đưa nhà nghiên cứu vào trong khung cảnh văn hoá tự nhiên nhất để xem xét tận gốc tình thế xã hội từ chính quan điểm của người trong cuộc và độ tin cậy của tài liệu phụ thuộc vào quá trình phát triển mối quan hệ của nhà nghiên cứu với người được nghiên cứu ở nơi điền dã.

### 3- Kỹ thuật phỏng vấn trong nghiên cứu dân tộc học

Trong nghiên cứu xã hội, các nhà xã hội học thường sử dụng phương thức phỏng vấn theo kiểu đã được cấu trúc sẵn. Theo phương thức này, nhà nghiên cứu dựa vào một hoặc các câu hỏi đã được chi tiết hoá trước khi phỏng vấn. Người phỏng vấn chờ đợi được nghe câu trả lời theo câu hỏi chứ không phải nêu ra một vấn đề để được xem xét, diễn đạt lại, sắp xếp lại, thảo luận và phân tích. Nhà nghiên cứu trong phỏng vấn có cấu trúc

nắm quyền chủ động điều khiển và ghi lại những câu trả lời theo khuôn mẫu đã định trong khi người trả lời hoàn toàn phụ thuộc vào người phỏng vấn. Hình thức phỏng vấn có cấu trúc (structured interview) thường được áp dụng trong các điều tra xã hội qui mô lớn, thời gian ngắn và mối quan hệ giữa phỏng vấn và người trả lời chưa được phát triển. Sự bất lợi của phương pháp phỏng vấn này là ở chỗ nó không cho phép người trả lời được đi ra ngoài câu hỏi đã cấu trúc và do đó, đôi khi những chi tiết quan trọng nhất lại bị bỏ qua.

Đối với nhà dân tộc học, hình thức phỏng vấn mở, (không cấu trúc sẵn hoặc chỉ cấu trúc một phần, unstructured or semi - structured interviews) dựa trên một loại các chủ đề hoặc vấn đề quan tâm để đặt ra câu hỏi trong quá trình trò chuyện là một phương pháp quan trọng thường được sử dụng. Vì thế, phỏng vấn trong dân tộc học được nhận thức như là những cuộc trò chuyện có mục đích. Bằng cách làm như vậy, nhà nghiên cứu có thể đạt được sự thấu hiểu sâu sắc về lối sống của con người. Tuy nhiên, cần phải lưu ý sự khác nhau trong phỏng vấn có cấu trúc và phỏng vấn mở. Phỏng vấn cấu trúc có thể là một phương pháp duy nhất trong một chương trình nghiên cứu trong khi đó, phỏng vấn mở thông thường là một bộ phận của một chương trình nghiên cứu và nó được phác thảo ra khi nhà nghiên cứu đã đi vào tình thế xã hội mà mình quan tâm. Phỏng vấn mở do đó bổ xung cho phương pháp quan sát tham gia. Lợi thế của phỏng vấn mở là ở chỗ nó giúp nhà nghiên cứu nắm bắt được những tình thế mà mình không được chứng kiến. Nhà nghiên cứu có thể thống qua phỏng vấn mà thấu hiểu được tiểu sử của những cá nhân hoặc lịch sử một nghề nghiệp.

Thủ tục thông thường của phương pháp phỏng vấn mở là sự thiết lập quan hệ giữa người phỏng vấn và người trả lời trong đó những lý do, mục đích và cách ghi lại cuộc phỏng vấn cần bám sát chiều hướng, độ sâu và chi tiết của cuộc phỏng vấn để tránh những đề tài ngoài lề. Vấn đề thời gian của mỗi cuộc phỏng vấn, mỗi chủ đề thảo luận cũng là những chi tiết có tính phương pháp mà người phỏng vấn phải thiết kế rất cẩn thận

#### 4. Tư liệu cá nhân là một nguồn tài liệu dân tộc học

Trong các nghiên cứu điền dã dân tộc học ở các xã hội chưa có chữ viết, các nhà dân tộc học thường ít khi sử dụng nguồn tài liệu viết. Tuy nhiên, khi dân tộc học chuyển sang nghiên cứu điền dã trong các xã hội hiện đại và xã hội đô thị thì các nguồn tài liệu tư nhân gắn với cuộc đời riêng của những người đã sản sinh ra và tiếp nhận chúng đã thêm vào cho dân tộc học một nguồn tài liệu có ý nghĩa. Trong số nguồn văn kiện này, chúng ta có các tự truyện, thư từ, nhật ký, ghi chép, ghi nhớ, biên bản gặp gỡ, các bản quyết định và những hồ sơ chính thức. Thêm vào đó là các tài liệu nghe nhìn như phim, ảnh, cùng với các tài liệu bằng miệng khác.

Tuy nhiên, trong hàng loạt các văn bản mà nhà nghiên cứu điền dã có thể thu thập được, cần phải có phương pháp phân loại và đánh giá giá trị của chúng đối với nghiên cứu.

Thông thường, các nhà nghiên cứu có 3 cách phân biệt và đánh giá tài liệu.

Trước hết, người ta có thể phân biệt thành các nguồn nguyên cấp (primary sources) và nguồn thứ cấp (secondary sources). Nguồn nguyên cấp là những tài liệu được tập hợp như nó sinh ra và có quan hệ trực tiếp đến người, tình huống hay sự kiện được nghiên cứu. Nó có thể bao gồm biên bản của toà án, biên

bản của công an, hợp đồng, thư từ, bị vong lục, ghi chép, hồi ký, tự truyện và báo cáo.

Thứ hai, người ta cũng có thể phân biệt các văn kiện này thành tài liệu công (public documents) và tài liệu tư nhân (private documents). Những tài liệu công có thể bao gồm 4 loại như sau:

1. Sổ đăng ký hộ khẩu (như giấy khai sinh, giấy giá thú, giấy báo tử);
2. Các văn bản của toà án và công an
3. Văn bản của chính phủ về các chương trình phúc lợi, ghi chép của các bệnh viện...

4. Phương tiện thông tin đại chúng như tin tức, quảng cáo, thư từ v.v...

Các tài liệu tư nhân thường là thư từ, nhật ký, và tự truyện. Tuy nhiên, cần lưu ý là có nhiều tài liệu ban đầu là tư nhân nhưng khi được xuất bản thì nó thành tài liệu công.

Thứ ba là sự phân biệt giữa tài liệu có định hướng và tài liệu không định hướng (solicited and unsolicited documents). Các tài liệu không định hướng tức là nó được sản sinh ra không có ý tưởng nghiên cứu mà chỉ sử dụng cho cá nhân, chẳng hạn nhật ký hay báo cáo.

Tài liệu có định hướng thường được làm ra do yêu cầu của nhà nghiên cứu, chẳng hạn các nhật ký theo dõi các giai đoạn hay những hoạt động riêng biệt nào đó.

Trong tất cả những nguồn tài liệu này, điều quan trọng đối với nhà nghiên cứu dân tộc học là cái nhìn chủ quan của cá nhân về đời sống xã hội được thể hiện ở trong đó. Chính từ đây, nhà nghiên cứu có thể sử dụng chúng để phân tích những kinh nghiệm và quan điểm của một cá nhân trong tình huống xã hội mà mình nghiên cứu. Tuy nhiên, có những vấn đề **(xem tiếp trang 54)**